

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực
Việc làm; An toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐCP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm; an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 515/TTr-SNV ngày 24/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực Việc làm; An toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai, không công khai Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Phục

vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo đúng quy định. Hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện, cấp xã;
- CN Ngân hàng CSXH tỉnh Cà Mau;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NC (Ph, TC_{15/6});
- Lưu: VT.KL449

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM; AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ NỘI VỤ, ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số: 1238/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- Thời gian tiếp nhận: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	LĨNH VỰC VIỆC LÀM						
1	1.013718	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền	Thời hạn 07/10 ngày làm việc (cắt giảm 03/10 ngày làm việc, tỷ lệ 30%), kể từ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Bộ luật Lao động 2019; - Nghị quyết số 190/2025/QH15	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó: - Sở Nội vụ: 4,5 ngày làm việc. - Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân: 2,5 ngày làm việc.	chính công cấp tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện, thẩm quyền giải quyết TTHC: Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.		ngày 19/02/2025 của Quốc hội. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP	được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013718” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.013719	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thời hạn 04/05 ngày làm việc (<i>cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó: - Sở Nội vụ: 03 ngày làm việc. - Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân: 01 ngày làm việc.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện, thẩm quyền giải quyết TTHC: Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013719” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3	1.013720	Cấp giấy phép lao động cho người lao	Thời hạn 04/05	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và	Lệ phí: 600.000	ngày 11/6/2025	Các bộ phận tạo

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó: - Sở Nội vụ: 03 ngày làm việc. - Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân: 01 ngày làm việc.	trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện, thẩm quyền giải quyết TTHC: Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	đồng (Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020)	của Chính phủ.	thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013720” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.013721	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó: - Sở Nội vụ: 02 ngày làm việc. - Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân: 01 ngày làm việc.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện, thẩm quyền giải quyết TTHC: Sở Nội vụ, Chủ tịch	Lệ phí: 450.000 đồng (Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020)		Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013721” trên Cổng Dịch vụ công quốc

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Ủy ban nhân dân tỉnh.			gia
5	1.013722	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thời hạn 04/05 ngày làm việc (<i>cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó: - Sở Nội vụ: 03 ngày làm việc. - Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân: 01 ngày làm việc.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện, thẩm quyền giải quyết TTHC: Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Lệ phí: 450.000 đồng (Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022)		Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013722” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
II LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG							
6	1.013723	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: * Trường hợp 1: Đối với sản phẩm, hàng hóa	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện,	Không	- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>có khả năng gây mất an toàn theo Danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ</i> - Sở Nội vụ: 0,6 ngày làm việc. - Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân: 0,4 ngày làm việc. * Trường hợp 2: Đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn có số thứ tự 10 đến 13 ban hành kèm theo Danh mục ban hành	thẩm quyền giải quyết TTHC: Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh.		định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp	“1.013723” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).</i> - Sở Nội vụ: 01 ngày làm việc.			thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ.	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	LĨNH VỰC VIỆC LÀM						
1	1.013724	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Thời hạn 12 ngày làm việc (<i>cắt giảm 03/15 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Chi nhánh Ngân	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn	Không	- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị định số 104/- Nghị định	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội: 08 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân cấp xã: 04 ngày làm việc.	vị thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.		số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	“1.013724” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.013725	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	Thời hạn 10 ngày làm việc (<i>cắt giảm 05/15 ngày làm việc, tỷ lệ 33%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội: 06 ngày làm việc.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã	Không		Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013725” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Ủy ban nhân dân cấp xã: 04 ngày làm việc.	hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.			

Tổng số Danh mục có 08 TTHC (trong đó: 06 TTHC cấp tỉnh, 02 TTHC cấp xã)/.

QUY TRÌNH
NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN
HÀNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM; AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, SỞ NỘI VỤ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số: 1238/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM

1. Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.013718).

a) Thời gian giải quyết: Thời hạn 07/10 ngày làm việc (cắt giảm 03/10 ngày làm việc, tỷ lệ 30%), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó:

- Tại Sở Nội vụ: 4,5 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 2,5 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ (Phòng Việc làm) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý), chuyển Lãnh đạo Phòng Việc làm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 04 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,25 ngày (trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

- Bước 2: Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

2. Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.013719).

a) Thời gian giải quyết: Thời hạn 04/05 ngày làm việc (*cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ 20%*), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó:

- Tại Sở Nội vụ: 03 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ (Phòng Việc làm) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Việc làm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 2,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 0,75 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

3. Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.013720).

a) Thời gian giải quyết: Thời hạn 04/05 ngày làm việc (*cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ 20%*), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó:

- Tại Sở Nội vụ: 03 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ (Phòng Việc làm) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Việc làm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 2,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 0,75 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

4. Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.013721).

a) Thời gian giải quyết: Thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó:

- Tại Sở Nội vụ: 02 ngày làm việc.

- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ (Phòng Việc làm) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Việc làm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 1,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 0,75 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

5. Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.013722).

a) Thời gian giải quyết: Thời hạn 04/05 ngày làm việc (*cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ 20%*), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó:

- Tại Sở Nội vụ: 03 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc

gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ (Phòng Việc làm) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Việc làm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 2,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 0,75 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

II. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (Mã số TTHC: 1.013723)

a) Thời hạn giải quyết: Thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Tại Sở Nội vụ: 0,6 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,4 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Trường hợp 1:** Đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn theo Danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

+ Quy trình giải quyết tại Sở Nội vụ:

- Bước 1: Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn

cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ (*Phòng Việc làm*) để xử lý hồ sơ: 0,2 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở Nội vụ ký duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 0,2 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,2 ngày làm việc.

+ Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nội vụ, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 0,2 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,2 ngày làm việc.

*** Trường hợp 2:** Đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn có số thứ tự 10 đến 13 ban hành kèm theo Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ).

- Bước 1: Công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ (*Phòng Việc làm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Việc làm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo Sở Nội vụ xem xét, quyết định: 0,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (Mã số TTHC: 1.013724).

a) Thời gian giải quyết: Thời hạn 12/15 ngày làm việc (*cắt giảm 03/15 ngày làm việc, tỷ lệ 20%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội: 08 ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: 04 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Ngân hàng Chính sách xã địa phương nơi thực hiện dự án**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo đơn vị ký, trình lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương xem xét, quyết định: 7,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án

- Bước 1: Bộ phận chuyên môn lĩnh vực phụ trách lĩnh vực Việc làm của Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 3,75 ngày làm việc (trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Ngân hàng Chính sách xã địa phương nơi thực hiện dự án thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, thực hiện giải ngân cho người lao động: 0,25 ngày làm việc.

2. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Mã số TTHC: 1.013725).

a) Thời gian giải quyết: Thời hạn 10/15 ngày làm việc (*cắt giảm 05/15 ngày làm việc, tỷ lệ 33%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội: 06 ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: 04 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo đơn vị ký, trình lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương xem xét, quyết định: 5,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án

- Bước 1: Bộ phận chuyên môn lĩnh vực phụ trách lĩnh vực Việc làm của Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 3,75 ngày làm việc (trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, thực hiện giải ngân cho người lao động: 0,25 ngày làm việc.

Lưu ý: Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện hết các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định./.

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1238/QĐ-UBND ngày 25/6/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ văn bản quy định bãi bỏ TTHC	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương hết hiệu lực
1.	1.011548.00 0.00.00.H12	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 10/06/2025; Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.
2.	1.011550.00 0.00.00.H12	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh		

Tổng số Danh mục có 02 TTHC./.